TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Số: 253/2022/DSPT
Ngày: 18/7/2022
V/v: "Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Nam.

Các Thẩm phán: Ông Mai Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thu Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Lê Đức Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc *"Chia tài sản chung và chia thừa kế".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 80/2020/DS-ST, ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân quận KT, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 2 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Lê Sỹ H , sinh năm 1938 *(chết ngày 02/2/2022).*

Địa chỉ: Số 36 ngõ 291 phố KT, quận KT, thành phố HN. *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H :*

1. Bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1940 *(có mặt tại phiên tòa).*
2. Ông Lê Sỹ M , sinh năm 1964 *(có mặt tại phiên tòa).*
3. Ông Lê Sỹ H, sinh năm 1974 *(có mặt tại phiên tòa).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N , Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Niềm tin công lý thuộc Đoàn luật sư

thành phố Hà Nội *(có mặt tại phiên tòa).*

Bị đơn:

Ông Lê Sỹ D , sinh năm 1930 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Sỹ D , sinh năm 1959;

Địa chỉ: số 6/72/73/66 phố QN (nay là phố HN), phường NC, quận KT, thành phố Hà Nội *(bà T có mặt tại phiên tòa).*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Lê Sỹ D : Luật sư Phạm Đức T, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn An Quốc thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội *(ông Thảo có mặt tại phiên tòa).*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Sỹ M và bà Dương Tuyết T *(có mặt tại phiên tòa).*

Địa chỉ: Số 36 ngõ 291 phố KT, quận KT, thành phố HN.

2. Bà Trần Thị C , sinh năm 1937; Bà Lê Thị H , sinh năm 1957, chị Lê Thùy L , sinh năm 1984 và chị Lê Mai L , sinh năm 1988 do ông Ngô Thành B ; địa chỉ: P316 N03 Ecohome 3 phường ĐN, quận BTL, thành phố HNội là người đại diện theo ủy quyền *(ông B có mặt tại phiên tòa).*

4. Bà Nguyễn Thị P , sinh năm 1939 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

5. Bà Lê Thị Mai A , sinh năm 1964 *(có mặt tại phiên tòa).*

6. Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1969 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

7. Bà Lê Sỹ D , sinh năm 1959 *(có mặt tại phiên tòa).*

8. Anh Nguyễn Tiến M , sinh năm 1986 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

9. Anh Nguyễn Hùng P , sinh năm 1995 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

10. Ông Lê Văn T (tức C), sinh năm 1961 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

11. Bà Lê Thị Mai H , sinh năm 1962 *(có mặt tại phiên tòa).*

12. Anh Lê Tuấn V , sinh năm 1991 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

13. Chị Trần Thị Ngọc H , sinh năm 1990 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

14. Cháu Nguyễn Lê Minh Q , sinh năm 2004 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

Cùng trú tại: Số 06 hẻm 72/73/66 QN, phường NC, quận KT, thành phố Hà Nội.

15. Ông Trần Văn Đ , sinh năm 1965 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

16. Bà Nguyễn Thị Việt H , sinh năm 1966 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

17. Ông Trịnh Quốc H , sinh năm 1966 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

18. Bà Nguyễn Kim C , sinh năm 1970 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

19. Ông Phan Đình A, sinh năm 1965; chứng minh nhân dân số 130822515 do công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 31.12.2007 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

20. Bà Nguyễn Thị Thanh V , sinh năm 1968; căn cước công dân số 025168000276 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 21.01.2019 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

21. Ông Phan Trung K *(vắng mặt tại phiên tòa).*

Cùng địa chỉ: Số nhà 15, ngõ 144/2 phố QN, phường NC, quận KT, thành phố HN.

22. Bà Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1982, chứng minh nhân dân số 001182005942; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P9 - L10 Thành Công B, phường LH, quận DĐ, HN *(vắng mặt tại phiên tòa).*

23. Ông Hoàng Văn H , sinh năm 1987; căn cước công dân số 024087000562 (CMND cũ: 121868347) *(vắng mặt tại phiên tòa).*

24. Bà Bùi Thị H , sinh năm 1988, hộ chiếu số B6939185

Cùng hộ khẩu thường trú: S2, 36.05 nhà chung cư A, Lô CT 09 Khu Cổ Ngựa, khu đô thị mới M, phường M, quận HĐ, thành phố HN *(vắng mặt tại phiên tòa).*

25. Ông Lê Sỹ T , sinh năm 1966; bà Lê Thị D ; bà Nguyễn Thị O ; bà Lê Thị Thu T , ông Lê Sỹ H , ông Lê Sỹ D *(vắng mặt tại phiên tòa).*

26. Chị Lê Thanh H , sinh năm 1991 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

27. Bà Nguyễn Thị Tố N , sinh năm 1970 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

28. Cháu Nguyễn Khắc Nhật V , sinh năm 2016 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

29. Ông Nguyễn Khắc A , sinh năm 1989 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

30. Ông Dương Đức C *(vắng mặt tại phiên tòa).*

31. Bà Đào Thị Thanh H *(vắng mặt tại phiên tòa).*

32. Anh Phan Tuấn A , sinh năm 1990 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

33. Chị Dương Thúy A , sinh năm 1991; *(vắng mặt tại phiên tòa).*

34. Cháu Phạm Bảo T , sinh năm 2017 và cháu Phạm Duy Khoa, sinh năm 2017

Cùng địa chỉ: Số nhà 15, ngõ 144/2 phố QN, phường NC, quận KT, thành phố HN *(đều vắng mặt tại phiên tòa).*

35. Ủy ban nhân dân quận KT, thành phố HN *(vắng mặt tại phiên tòa).*

36. Ủy ban nhân dân phường NC, quận KT, thành phố HN; *(vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - ông Lê Sỹ H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ ông H là cụ Lê Sỹ C và cụ Lê Thị H , hai cụ sinh được 03 người con là ông Lê Sĩ D , ông Lê Hồng Đ và ông Lê Thị H .

Ông Lê Hồng Đ (chết năm 2005) có vợ là bà Trần Thị C và 6 người con là anh Lê Sỹ B (chết năm 2013, anh B có vợ là chị Nguyễn Thị H và 02 con là Lê Thùy L và Lê Mai L); chị Lê Thị D , chị Lê Thị T , anh Lê Sỹ T , anh Lê Sỹ H và anh Lê Sỹ D .

Cụ Lê Sỹ C và cụ Lê Thị H tạo lập được khối tài sản là 5 gian nhà diện tích 238 m^2 ở số 6 hẻm 72/73/66 ngõ 144 phố QN, phường NC, quận KT, HN.

Năm 1944 cụ Lê Sỹ C mất; năm 1986 cụ Lê Thị H , khi mất hai cụ đều không để lại di chúc.

Sau khi cụ Lê Sỹ C mất, cụ Lê Thị H cùng 03 con trai ở trên nhà đất, ông D , ông Đ và ông H đều lấy vợ và sống tại đây.

Năm 1980 do tuổi cao sức yếu nên Cụ H đã tổ chức họp gia đình và gọi ba người con (ông D , ông Đ và ông H) để căn dặn và phân chia phần tài sản nhà đất của mẹ để lại. Cụ H chia cho con trai cả là ông Lê Sỹ D gian nhà ngoài cùng có diện tích 47m^2 giáp nhà ông Côi, gian nhà cuối có diện tích 97m^2 được chia cho con trai thứ hai là Lê Hồng Đ giáp nhà ông Hiền còn lại 03 gian nhà giữa chia cho vợ chồng ông Lê Sỹ H ở 02 gian (62m^2) còn lại 1 gian (32m^2) dùng để làm nhà thờ chung và giao cho vợ chồng ông Lê Sỹ H có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên và nuôi dưỡng mẹ lúc tuổi già. Cuộc họp gia đình được cả ba anh em đồng ý và sinh sống ổn định không có mâu thuẫn gì. Năm 1986, Cụ H qua đời, vợ chồng ông H thờ cúng mẹ và tiếp tục sinh sống ổn định tại 03 gian nhà đó cùng bốn người con của mình.

Năm 1993, khi Nhà nước có chủ trương đổi mới chính sách về nhà, đất, vợ chồng ông H đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế nhà, đất từ năm 1993 đến nay cho diện tích 94m^2 của 03 gian nhà giữa mà vợ chồng ông H đã sinh sống ổn định từ năm 1963.

Ngày 04/08/2000 ông Đ ông D và ông H bàn bạc và thống nhất với nhau lập giấy dưới hình thức là ***Đơn xin thừa kế nhà đất,*** nội dung thể hiện xác nhận

ngôi nhà 05 gian nằm trên mảnh đất 238m^2 tại số 6/72/73/66 phố QN, phường NC, quận KT, thành phố Hà Nội là di sản chung của bố mẹ để lại, ông D đã thừa nhận khi Cụ H còn sống đã phân chia cho vợ chồng ông được hưởng gian nhà ngoài cùng có diện tích 47m^2, vợ chồng ông Đ được hưởng 97m^2 và vợ chồng ông H được hưởng 62m^2, còn lại 32m^2 được dùng để làm nhà thờ chung, các gia đình có đường đi chung từ cổng chính vào gian trong cùng. Văn bản này ông Đ giữ và đã nộp để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên cơ sở văn bản tự phân chia di sản của các đồng thừa kế lập ngày 04/08/2000 thì phần của ai người đó tự quản lý và sử dụng. Năm 2015, gia đình ông Đ đã họp và thống nhất giao cho con dâu là Lê Thị H , chị Hòa đã làm thủ tục và được UBND quận KT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 97m^2 trong diện tích đất phân chia nêu trên.

Ngày 21/03/2016, ông D đã tự động dọn đồ đạc trong đó có cả của gia đình ông H ở trong nhà ra (tủ, bàn ghế), dỡ mái nhà, phá hủy và làm biến dạng các gian nhà ở và gian nhà thờ chung mà không hề xin phép hay được sự đồng ý của ông H cũng như gia đình ông Điệp, tự ý đào móng và đơn phương chiếm phần diện tích đất của ông H được chia để xây dựng trái phép nhà trên đất.

Gia đình ông đã làm đơn gửi Ủy ban nhân dân phường NC và UBND phường NC đã tiến hành hòa giải lần thứ nhất vào ngày 22/10/2016, lần thứ hai vào ngày 16/11/2016 và lần thứ ba vào ngày 24/11/2016, tuy nhiên các buổi hòa giải đều không thành, các bên không đi đến thống nhất.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông D phải trả lại 62m^2 đất do hai cụ Chi, Cụ H để lại theo thỏa thuận mà ba anh em (Hiệp, Diệp và Điệp) đã tự thỏa thuận với nhau ngày 04/08/2000. Đối với các tài sản khác ông D đã làm mất, hư hỏng, ông H tự nguyện không yêu cầu phải bồi thường.

Đối với yêu cầu phản tố của ông D , yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại số nhà 15, ngõ 144/2 phố QN, phường NC, quận KT, thành phố Hà Nội, ông H không đồng ý vì đây không phải là di sản thừa kế.

Bị đơn - Ông Lê Sỹ D và người đại diện theo ủy quyền của ông D trình bày:

Bị đơn nhất trí với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, về di sản thừa kế là nhà đất tại số 6 hẻm 72/73/66 ngõ 144 phố QN, phường NC, quận KT, thành phố Hà Nội mà các cụ để lại.

Đối với *Đơn xin thừa kế nhà đất* lập ngày 04/08/2000 nguyên đơn xuất trình tại Tòa án, bị đơn cho rằng, khi ông D , ông Đ và ông H lập văn bản này không có sự chứng kiến của Tổ dân phố. Năm 2013, sau khi ông Đ chết nhiều năm, ông H mới đưa ra Tổ dân phố xác nhận, do đó, văn bản này là giả mạo và không thừa nhận văn bản này, tuy nhiên bị đơn không có yêu cầu giám định chữ ký trong văn bản.

Sau khi cụ Chi, Cụ H mất, ba anh em (ông D , ông H và ông Điệp) đã tự phân chia và sử dụng ổn định cụ thể như sau:

Ông Đ sử dụng 97m^2 đất thổ cư phía trong. Ông D sử dụng 141m^2 đất thổ cư phía ngoài và hiện nay đều có ranh giới riêng biệt.

Ông Đ và ông H cùng quản lý diện tích đất 5% (hiện nay đã chuyển nhượng hết).

Việc phân chia giữa các anh em không làm giấy tờ nhưng đã đồng ý để sử dụng riêng biệt, không còn vướng mắc gì. Năm 2009, ông H bán đất 5% của mình được chia và quay về đòi chia phần đất thổ cư ông D đang quản lý sử dụng nên đã phát sinh tranh chấp. Quan điểm của bị đơn là giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng, ai ở đâu vẫn tiếp tục sử dụng ở đó để tránh xáo trộn.

Ngày 23/3/2019 bị đơn - ông D có Đơn phản tố, yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất 5% tại ngõ 144/2 phố QN, phường NC, quận KT, Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Sỹ M , bà Dương Tuyết T , chị Lê Thị H , chị Lê Thùy L , chị Lê Mai L và bà Trần Thị C do ông Ngô Thành B làm đại diện theo ủy quyền; anh Lê Sỹ T , chị Lê Thị D , chị Nguyễn Thị O , chị Lê Thị Thu T , anh Lê Sỹ H , anh Lê Sỹ D , chị Lê Thanh H , Nguyễn Thị Tố N , Nguyễn Khắc A có lời khai đồng ý với phần trình bày của nguyên đơn.

2. Bà Nguyễn Thị P , chị Lê Thị Mai A , chị Lê Thị Mai H , chị Lê Sỹ D , anh Nguyễn Quang V, anh Nguyễn Tiến M , anh Nguyễn Hùng P , anh Lê Văn T , anh Lê Tuấn V , chị Trần Thị Ngọc H nhất trí với phần trình bày của bị đơn.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người hiện nay đang quản lý nhà đất gồm các ông/bà: Trần Văn Đ , Nguyễn Thị Việt H , Trịnh Quốc H , Phan Trung K , Nguyễn Thị Lan C , Hoàng Văn H , Bùi Thị H có lời khai trình bày: Việc mua bán chuyển nhượng nhà đất là đúng pháp luật, không biết ông Lê Sỹ H , Lê Sỹ D là ai, đề nghị Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và xin

vắng mặt.

4. Các ông/bà: Nguyễn Kim C , Phan Đình A, Nguyễn Thị Thanh V , Nguyễn Việt H, Dương Đức C, Đào Thị Thanh H, Phan Tuấn A , Dương Thúy A đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc và không gửi văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

5. Ủy ban nhân dân quận KT và Ủy ban nhân dân phường NC cung cấp hồ sơ cho Tòa án và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 80/2020/DSST ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân quận KT, thành phố Hà Nội đã xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ H về việc đòi tài sản được thừa kế đối với ông Lê Sỹ D .

2. Buộc ông Lê Sỹ D trả ông Lê Sỹ H 62 m^2 đất có giá trị 3.100.000.000 đồng.

3. Buộc trả bằng hiện vật như sau:

Ông Lê Sỹ D phải trả lại cho ông Lê Sỹ H toàn bộ quyền sử dụng đất đất vị trí thứ 3 tính từ ngoài vào trong được giới hạn bởi các điểm 19, 20, 23, 24, 19) có các chiều cụ thể như sau: chiều ngang mặt ngõ (23-24): 3,81m2, chiều dài bên tay trái đứng từ ngõ nhìn vào (24-19): 12,98m2, chiều ngang sau cùng (19-20): 3,83m^2, chiều dài bên tay phải đứng từ ngõ nhìn vào được giới hạn bởi các điểm 20-23 (theo sơ đồ kèm theo), có diện tích 50m^2 có giá trị quyền sử dụng đất: 2.500.000.000 đồng; được sử dụng diện tích ngõ đi chung 22,3m^2.

Ông Lê Sỹ H được quyền sở hữu nhà gạch 2 tầng lợp tôn do gia đình ông Lê Sỹ D xây dựng trên diện tích đất được chia; và có nghĩa vụ thanh toán giá trị xây dựng cho gia đình ông Lê Sỹ D là: 557.669.000 đồng, được trừ vào số tiền 600.000.000 đồng chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất ông Lê Sỹ D phải thanh toán cho ông Lê Sỹ H .

Ông Lê Sỹ D còn phải thanh toán cho ông Lê Sỹ H giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch sau khi trừ đi giá trị xây dựng: 42.331.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Lê Sỹ D

5. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 05/01/2021, bị đơn - ông Lê Sỹ D có Đơn kháng cáo cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị chia di sản của cụ Lê Thị H đối với thửa đất số 15 ngõ 144/2 QN, phường NC, quận KT là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bị đơn, do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ bản án.

Ngày 11/01/2021 nguyên đơn - ông Lê Sỹ H có đơn kháng cáo, nội dung thể hiện, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận chia 50m^2 đất mà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi 62m^2 của nguyên đơn theo Đơn xin chia thừa kế nhà đất đã lập ngày 4/8/2000 là không đúng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi 62m^2 đất của nguyên đơn.

Tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-KNPT-VKS ngày 12/1/2021, Viện kiểm sát nhân dân quận KT kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:

Bản án sơ thẩm áp dụng án lệ số 24/2018 về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân để xác định di sản thừa kế của cụ Lê Thị H đã chuyển thành tài sản hợp pháp của các cá nhân là chưa phù hợp. Đồng thời xác định diện tích đất mà ông H đứng tên chủ sử dụng năm 1995 tại thửa 63 tờ bản đồ số F48a-104-11 diện tích 225m^2 không phải là di sản thừa kế là không đúng, ảnh hưởng tới quyền lợi hợp pháp của các đương sự. Bởi lẽ:

- Đối với nhà đất tại số 6, hẻm 72/73/66 QN, phường NC, quận KT, Hà Nội, trong hồ sơ không có Biên bản xác minh, trả lời của Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh quận KT về việc có lưu giữ bản gốc *Đơn xin thừa kế nhà đất* lập ngày 04/8/2000 hay không để làm căn cứ xác định tính hợp pháp của văn bản này trong khi ông D không thừa nhận văn bản đó.

Việc phân chia sử dụng nhà đất theo *"Đơn xin thừa kế nhà đất"* giữa các đương sự, trên thực tế có sự tranh chấp giữa ông D và ông H đối với di sản của Cụ H để lại, các bên chưa kê khai việc sử dụng đất với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Việc ông H nộp tiền sử dụng đất không phải là căn cứ xác lập quyền sử dụng, sở hữu đối với nhà đất đó. Theo xác nhận của UBND phường NC thì ông D và ông H lần đầu kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/6/2017 nhưng do diện tích đất kê khai có chồng lấn nên cả hai bên đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay các bên có tranh chấp về di sản thừa kế thì phải tiến hành chia thừa kế theo pháp luật.

- Về quyền sử dụng đất tại số 15 ngách 144/2 QN, phường NC, quận KT, Hà Nội: Bản án sơ thẩm nhận định *nguồn gốc thửa đất ban đầu từ cụ Tạ Thị Kén, chuyển sang cụ Lê Thị H rồi chuyển sang tên ông H đều không có giấy tờ chuyển nhượng hoặc các loại giấy tờ khác theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai. Từ năm 1995 ông H là người đứng tên sử dụng, năm 2009 ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông H đã chuyển nhượng hết diện tích đất đó. Gia đình ông D sống cùng làng buộc phải biết việc chuyển nhượng này*. Do vậy bản án sơ thẩm xác định diện tích 225m^2 tại địa chỉ nêu trên không phải là di sản thừa kế của cụ Hồ, không chấp nhận yêu cầu phản tố chia thừa kế của ông D . Nhận định của bản án sơ thẩm là thiếu tính thuyết phục vì theo xác nhận của UBND phường NC tại Công văn số 340 ngày 13/8/2019 thể hiện phần diện tích đất mà ông H đứng tên sử dụng từ năm 1995, diện tích 225m^2 đất có nguồn gốc của cụ Lê Thị H để lại được ghi nhận trong sổ địa chính và bản đồ năm 1978, đây là phần diện tích đất Cụ H được hưởng từ các cụ để lại, Cụ H cùng các con sử dụng đến năm 1986 thì Cụ H chết. Sau khi Cụ H chết thì 3 anh em ông D , ông H và ông Đ là người thừa kế hợp pháp được quyền quản lý, sử dụng. Quyền sử dụng thửa đất trở thành di sản thừa kế của Cụ H đối với 3 người con. Hiện nay phần diện tích đất ông H sử dụng 225m^2 ông H đã chuyển nhượng hết, toàn bộ tiền chuyển nhượng ông H được hưởng, do đó cần xác định giá trị chuyển nhượng 225m^2 đất là di sản thừa kế của cụ Hồ.

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H để xác định chính xác nguồn gốc sử dụng đất ông H đã kê khai.

Từ những căn cứ nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân quận KT kháng nghị đối với bản án sơ thẩm và đề nghị xét xử lại theo hướng, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận KT.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị giữ nguyên.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không khách quan, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên kháng nghị số 01/QĐ-KNPT-VKS ngày 12/1/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận KT.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu và đề nghị:

- Tòa án nhân dân quận KT áp dụng án lệ số 24/2018 để xác định nhà đất tại số 6, hẻm 72/73/66 QN, phường NC, quận KT, Hà Nội không còn là di sản thừa kế của cụ Lê Thị H mà đã chuyển thành tài sản hợp pháp của các cá nhân là không đúng quy định. Trong hồ sơ vụ án không có bản gốc Văn bản Đơn xin chia thừa kế lập ngày 04/8/2000 nên không có căn cứ xác định bản phô tô trong hồ sơ là nguồn chứng cứ hợp pháp. Văn bản này cũng không được bị đơn thừa nhận nên không có căn cứ xác định nhà đất này đã được các đồng thừa kế của Cụ H phân chia.

- Đối với nhà đất tại số 15 ngách 144/2 QN, phường NC, quận KT, Hà Nội. Căn cứ vào tài liệu xác minh và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì nguồn gốc nhà đất này là của cụ Hồ, không có căn cứ xác định quyền sử dụng thửa đất này được cấp cho gia đình ông Điệp, bà Chiên theo chính sách giao đất 5%.

Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là thiếu khách quan, không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu và đề nghị:

- Tòa án nhân dân quận KT áp dụng án lệ số 24/2018 để giải quyết tranh chấp liên quan đến yêu cầu chia thừa kế nhà đất tại số 6, hẻm 72/73/66 QN, phường NC, quận KT, Hà Nội là đúng quy định pháp luật, trên cơ sở đó xác định nhà đất tại địa chỉ này đã được các đồng thừa kế của Cụ H là ông D , ông Điệp, ông H lập văn bản phân chia và quản lý, sử dụng ổn định, thực tế gia đình ông Đ đã làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng đối với phần diện tích đã được phân chia và không có tranh chấp gì. Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận KT xác nhận bản gốc *Đơn xin chia thừa kế* lập ngày 04/8/2000 hiện đang lưu giữ tại Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận KT nên cần xác định là nguồn chứng cứ hợp pháp.

- Đối với nhà đất tại số 15 ngách 144/2 QN, phường NC, quận KT, Hà Nội, quan điểm kháng cáo của bị đơn cũng như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân đều cho rằng nguồn gốc thửa đất này là của Cụ H là không đúng vì thực tế bị đơn không chứng minh được thửa đất này là của cụ Hồ, không có căn cứ xác định Cụ H chuyển mục đích sử dụng từ đất Nông nghiệp thành đất ở. Khi không có căn cứ chứng minh quyền sử dụng đất của Cụ H thì thửa đất này không phải là di sản thừa

kế, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đòi chia thừa kế đối với thửa đất này là đúng quy định.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn do tại phiên tòa nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo;

- Giữ nguyên toàn bộ kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-KNPT-VKS ngày 12/1/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận KT.

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 80/2020/DSST ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân quận KT, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn, Bị đơn và Viện kiểm sát nhân dân quận KT có đơn kháng cáo và kháng nghị trong thời hạn pháp luật quy định. Nguyên đơn và bị đơn đều được xác định là người cao tuổi, không thuộc trường hợp phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên xác định kháng cáo là hợp lệ.

Tại phiên tòa, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Căn cứ Khoản 2 Điều 289 và Khoản 1 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

2. Về nội dung:

1. Về quan hệ huyết thống

Căn cứ vào trình bày của các đương sự xác định, cụ Lê Sỹ C và cụ Lê Thị H sinh được 03 người con là ông Lê Sỹ D , ông Lê Hồng Đ và ông Lê Sỹ H . Ông Lê

Hồng Đ (chết năm 2005) có vợ là bà Trần Thị C và 6 người con là anh Lê Sỹ B (chết năm 2013, anh B có vợ là chị Nguyễn Thị H và 02 con là Lê Thùy L và Lê Mai L), chị Lê Thị D , chị Lê Thị T , anh Lê Sỹ T , anh Lê Sỹ H và anh Lê Sỹ D .

Cụ Lê Sỹ C chết năm 1944, cụ Lê Thị H chết năm 1986, khi chết hai cụ không để lại di chúc.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ vào thời điểm cụ Chi và Cụ H chết như đã nêu trên, xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Chi là năm 1944 và thời điểm mở thừa kế của Cụ H là năm 1986.

Căn cứ Điều 688, Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016; Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018, xác định yêu cầu khởi kiện của đương sự về chia thừa kế đối với di sản của Cụ H để lại là trong thời hiệu khởi kiện.

3. Căn cứ xác định di sản thừa kế và việc xem xét đánh giá chứng cứ.

3.1 Đối với nhà đất tại số 6 hẻm 72/73/66 ngõ 144 phố QN, phường NC, quận KT, Hà Nội.

Căn cứ vào trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác nhận nguồn gốc nhà đất này là của cụ Lê Sỹ C và cụ Lê Thị H (bố mẹ của ông D , ông Điệp, ông H) để lại.

Theo nguyên đơn (ông H) và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vợ, con ông Điệp) trình bày, khi còn sống Cụ H đã phân chia nhà đất này cho 3 người con (ông D được chia 47m^2, ông Đ được chia 97m^2, ông H được chia 62m^2, còn lại 32m^2 được dùng để làm nhà thờ chung), tuy nhiên việc phân chia không được lập bằng văn bản, trong khi bị đơn - ông D không thừa nhận có việc Cụ H phân chia như trên nên không có căn cứ xác định, khi còn sống Cụ H đã phân chia nhà đất như trình bày của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vợ con ông Điệp).

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ thể hiện *Đơn xin chia thừa kế nhà đất* (bản gốc hiện đang lưu giữ tại Văn phòng đăng ký đất đai quận KT. BL 662) có chữ ký của ông D , ông H và ông Đ lập ngày 08/4/2000. Văn bản này có nội dung thể hiện sau khi Cụ H chết, ông D , ông Đ và ông H đã thỏa thuận phân chia nhà đất như nội

dung nêu trên. Mặc dù bị đơn - ông D không thừa nhận văn bản này và cho rằng giả mạo vì sau nhiều năm sau mới xin xác nhận của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân phố. Tuy nhiên ông D không phản đối chữ ký của mình trong văn bản này và cũng không có yêu cầu giám định.

Ngày 26/8/2015 chị Lê Thị H (con dâu ông Điệp) được UBND quận KT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đứng tên chị Hòa và chồng là anh Lê Bình đã chết) đối với phần diện tích ông Đ được phân chia 97m^2. Quá trình làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận không ai có khiếu nại hay tranh chấp gì.

Xét về hình thức *Đơn xin chia thừa kế nhà đất* thể hiện, ngày 08/4/2000 ông D , ông Đ và ông H lập văn bản thống nhất phân chia nhà đất, sau gần 13 năm (ngày 04/4/2013) mới xin xác nhận của ông Nguyễn Đình Họa, (tự ghi là Tổ trưởng Tổ dân phố) và ông Đỗ Đình Cường (tự ghi là Tổ phó Dân phố cụm Sòi - địa chỉ cũ). Theo UBND phường NC cung cấp, thời điểm năm 2013 ông Họa, ông Cường không phải là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ Dân phố số 3 Cụm Sòi, phường NC, quận KT, Hà Nội, do vậy văn bản này không phù hợp về hình thức.

Về nội dung *Đơn xin chia thừa kế nhà đất* thể hiện việc phân chia như trình bày của nguyên đơn, một phần diện tích 97,2m^2 được phân chia cho ông Đ theo văn bản thỏa thuận đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hòa (con dâu ông Điệp), thực tế phần diện tích này các bên không có tranh chấp mà chỉ tranh chấp đối với phần diện tích 62m^2 ông H (nguyên đơn) được phân chia nhưng hiện nay ông D (bị đơn) đang quản lý, sử dụng. Do vậy mặc dù *Đơn xin chia thừa kế nhà đất* không phù hợp về hình thức nhưng về nội dung, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do UBND phường NC cung cấp (BL. 28) xác định tài sản là nhà đất có nguồn gốc của cụ Lê Thị H (mẹ của 3 ông D , ông Điệp, ông H), sau khi Cụ H chết (năm 1986) đến năm 2000 các đồng thừa kế của Cụ H đã phân chia nhà đất như trong nội dung *Đơn xin chia thừa kế nhà đất*. Việc phân chia đã được thực hiện trên thực tế, một phần đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có tranh chấp. Do vậy nhà đất trên không còn là di sản thừa kế, nên nguyên đơn khởi kiện đòi quyền sử dụng 62m^2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình là có căn cứ. Trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 24/2018/AL về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân để áp dụng giải quyết trong vụ án này là phù hợp và đúng quy định.

3.2 Đối với nhà đất tại số 15, ngõ 144/2 phố QN, phường NC, quận KT, thành phố Hà Nội

Theo Đơn yêu cầu phản tố cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn yêu cầu chia di sản thừa kế đối với toàn bộ thửa đất 5%, nay là số nhà 15 ngõ 144/2 phố QN, quận KT, Hà Nội.

Căn cứ Công văn số 161/UBND ngày 05/4/2021 và Công văn số 145/UBND ngày 05/4/2022 của UBND phường NC cung cấp cho Viện kiểm sát nhân dân quận KT và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thể hiện, thửa đất số 63 tờ bản đồ F48a - 104 - 11, diện tích 225m^2 đứng tên ông Lê Sỹ H này là nhà đất có địa chỉ tại số 15 ngõ 144/2 phố QN, phường NC, quận KT, thành phố Hà Nội có nguồn gốc: *Trong sổ mục kê và bản đồ năm 1960 thuộc thửa đất số 259, tờ bản đồ số 3, diện tích 405m^2, loại đất M, đứng tên cụ Tạ Thị Kén; năm 1978 thuộc thửa đất số 558, diện tích 405m^2, loại đất ruộng % (có gạch chéo), chủ sử dụng là cụ Lê Thị H (chủ cũ là Tạ Thị Kén); năm 1995 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ F48a - 104 - 11, diện tích 405m^2, tên chủ sử dụng là ông Lê Hồng Đ (con cụ Hồ). Bà Tạ Thị Kén không phải xã viên Hợp tác xã từ trước đến nay, không xác định được bà Kén là ai? Cư trú ở đâu; bà Lê Thị H trước đây là xã viên của Hợp tác xã từ thời điểm chưa chuyển đổi thành Hợp tác xã dịch vụ - tổng hợp NC; Căn cứ vào tài liệu lưu giữ tại Hợp tác xã từ trước đến nay không có bất cứ văn bản, tài liệu nào chứng minh việc Hợp tác xã có giao đất cho bà Tạ Thị Kén và bà Lê Thị H ; ông Lê Hồng Đ không phải là xã viên Hợp tác xã, không có văn bản, tài liệu nào chứng minh việc giao đất 5% cho ông Điệp.*

Căn cứ vào thông tin do UBND phường NC cung cấp thì không có căn cứ nào xác định có sự chuyển dịch quyền sử dụng đất từ Cụ H sang ông Lê Hồng Đ để đến năm 1995 ông Đ đứng tên trong Sổ Mục kê. Ông Đ cũng không phải là xã viên Hợp tác xã và không có căn cứ xác định ông Đ được giao đất 5%.

Căn cứ theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ, việc cụ Lê Thị H đứng tên chủ sử dụng đất trong Sổ Mục kê từ năm 1978 (lập trước ngày 18/12/1980) và đã sử dụng ổn định được xác định là một trong các loại giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất và đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy sau khi Cụ H chết (năm 1986) thì quyền sử dụng đất của Cụ H đối với thửa đất này được xác định là di sản thừa kế.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần diện tích 225m^2 được ông H tách làm 7 thửa sau đó chuyển nhượng hết có nằm trong tổng diện tích 405m^2 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ F 48a - 104 - 11 có địa chỉ tại số 15, ngõ 144/2 phố QN, phường NC, quận KT, thành phố Hà Nội đứng tên ban đầu của ông Đ hay không ?. Trong hồ sơ vụ án không có hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho ông H và ông Đ làm căn cứ xác định nguồn gốc tài sản mà ông H có quyền chuyển nhượng.

Do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ và làm rõ nguồn gốc tài sản là nhà đất tại số 15, ngõ 144/2 phố QN, quận KT, Hà Nội nhưng đã xác định nhà đất này không phải là di sản thừa kế là chưa đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự

4. Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bà Nguyễn Thị Lan C , sinh năm 1982, chứng minh nhân dân số 001182005942; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P9 - L10 Thành Công B, phường Láng Hạ, quận DĐ, Hà Nội tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 15 ngách 144/2 QN, phường NC, quận KT, thành phố Hà Nội. Số công chứng: 192645. Quyển số 27- HĐCNQSDĐ do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận KT cung cấp cho Tòa án thể hiện, bà Nguyễn Thị Lan C , sinh năm 1990, Số Căn cước công dân: 035190000637; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Viên Tu, xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.…Trong hồ sơ có Đơn và lời khai của bà Nguyễn Thị Lan C nhưng không ghi số chứng minh thư nhân dân và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ thông tin về nhân thân của bà Nguyễn Thị Lan C ; trong bản án cũng không nhận định những người này có quyền và nghĩa vụ liên quan như thế nào nên việc xác định tư cách tố tụng của bà Nguyễn Thị Lan C có năm sinh và Hộ khẩu thường trú như nêu trong bản án sơ thẩm là chưa đầy đủ và chính xác.

Đối với ông Nguyễn Việt Hà, sinh năm 1979, có Hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Đông B 2, phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tư cách tố tụng của ông Hà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên qua xác minh tại Công an phường NC, quận KT, thành phố Hà Nội thể hiện, ông Nguyễn Việt Hà có năm sinh và hộ khẩu thường trú

nêu trên không liên quan đến nhà đất tranh chấp tại số 15, ngõ 144/2 phố QN, quận KT, Hà Nội; ông Hà cũng không cư trú ở tại địa chỉ này và không cùng hộ gia đình với bà Nguyễn Thị Lan C đã nêu ở nội dung trên. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông Nguyễn Việt Hà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Do vậy Tòa án cấp phúc thẩm xác định ông Nguyễn Việt Hà, sinh năm 1979, có Hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Đông B 2, phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Do việc điều tra thu thập, đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa đúng, chưa đầy đủ dẫn đến đường lối giải quyết vụ án không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự và quyền được xét xử hai cấp, Tòa án cấp phúc thẩm cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân quận KT để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Những phân tích nêu trên cũng là căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận KT.

5. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn đều được xác định là người cao tuổi nên không thuộc trường hợp phải nộp tiền tạm ứng án phí. Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho nguyên đơn, bị đơn phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là đúng quy định.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính lại sau khi Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 80/2020/DSST ngày 29/12/2020 của Tòa án nhân dân quận KT, thành phố Hà Nội. Giao hồ sơ vụ án về Toà án nhân dân quận KT để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

2. Về án phí:

Số tiền 21.000.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận KT, theo Biên lai thu số 07168 ngày 22/2/2017 được giữ lại để giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội;.
- Tòa án nhân dân quận KT;
- Chi cục THADS quận KT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Thu Nam